

Bản án số: 08/2018/HS-ST
Ngày 18- 01- 2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Việt Hưng

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Chu Thị Hồng Nhật

Bà Bùi Phương Hoa

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Hạnh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Minh – Kiểm sát viên

Ngày 18/01/2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 217/2017/TLST-HS ngày 28/12/2017 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2018/QĐXXST-HS ngày 05/01/2018 đối với bị cáo:

Họ và tên: Vũ Văn T, sinh ngày 10 tháng 02 năm 1977 tại Thái Bình; nơi cư trú: Thôn T1, xã H, huyện K, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Vũ Mạnh T2 và bà: Vũ Thị M; tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: Bị cáo bị xử phạt 24 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo bản án số 92/2007/HSST ngày 23/7/2007 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, chấp hành xong hình phạt tù ngày 21/01/2009, thi hành phần án phí ngày 08/01/2007; bị tạm giữ từ ngày

06/11/2017 đến ngày 09/11/2017 chuyển tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình; có mặt.

- *Người chứng kiến:*

+ Anh Nguyễn Quang H1, sinh năm 1983; trú tại: Phường Tr, thành phố Th, tỉnh Thái Bình; vắng mặt.

+ Anh Nguyễn Mạnh T3, sinh năm 1978; trú tại: Phường Tr1, thành phố Th, tỉnh Thái Bình; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 11 giờ 30 phút ngày 06/11/2017, T đi xe tắc xi từ xã H3, huyện K, tỉnh Thái Bình đến khu vực phường K, thành phố Th thì xuống xe đi bộ vào trong ngõ gặp một người nam giới khoảng 35 tuổi không biết tên, địa chỉ mua 400.000 đồng được 01 gói ma túy bên ngoài gói bằng túi ni lông màu đen, T nhận và cầm trong lòng bàn tay phải sau đó đi bộ để tìm nơi để sử dụng cho bản thân. Khi T đi đến khu vực phường K, thành phố Th thì bị tổ công tác Công an thành phố Thái Bình yêu cầu kiểm tra. Trước sự chứng kiến của anh Nguyễn Quang H1 và anh Nguyễn Mạnh T3, T tự giác đưa từ lòng bàn tay phải của T ra giao nộp cho tổ công tác 01 gói ma túy vừa mua được. Tổ công tác mở ra kiểm tra thấy bên ngoài gói bằng ni lông màu đen, bên trong gói bằng giấy trắng có dòng kẻ trong chứa chất bột màu trắng dạng cục. T khai nhận là Hêrôin mua để sử dụng cho bản thân. Tổ công tác niêm phong vật chứng, yêu cầu T và mời những người chứng kiến về trụ sở Công an phường Kỳ Bá, thành phố Thái Bình để kiểm tra. Thu tại túi quần bên trái phía trước T đang mặc 01 điện thoại Nokia E72 màu đen bạc và số tiền 600.000 đồng, ngoài ra không phát hiện thu giữ gì thêm.

Bản kết luận giám định số: 426/KLGD-PC54 ngày 06/11/2017 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình kết luận: “*Mẫu gửi giám định là ma túy, loại Heroine (Hêrôin) có trọng lượng 0,4499 gam (không phải bốn nghìn bốn trăm chín mươi chín gam)*”.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo T không có ý kiến hay khiếu nại gì về kết luận của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình nêu trên.

Bản cáo trạng số: 07/KSĐT ngày 27/12/2017 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình truy tố bị cáo Vũ Văn T về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo quy định tại khoản 1 Điều 194 Bộ luật Hình sự số 15/1999/QH10 (sau đây gọi là Bộ luật Hình sự năm 1999).

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố hành vi của bị cáo Vũ Văn T về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo quy định tại khoản 1 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999

Đề nghị Hội đồng xét xử:

* Về tội danh: Tuyên bố bị cáo T phạm tội *Tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo quy định tại khoản 1 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999

* Về hình phạt: Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 38; khoản 3 Điều 7 Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13 (sau đây gọi là Bộ luật Hình sự năm 2015); xử phạt bị cáo T từ 24 đến 30 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 06/11/2017.

* Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

* Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự số 101/2015/QH13 (sau đây gọi là Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015)

- Trả lại cho bị cáo 01 điện thoại Nokia E72 màu đen bạc và số tiền 600.000 đồng nhưng tiếp tục quản lý để bảo đảm thi hành án.

- Tịch thu tiêu hủy 0,4499 gam ma túy loại Hêrôin hoàn lại sau giám định là 0,4163 gam.

* Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo không có ý kiến và tranh luận gì về quyết định truy tố của Viện kiểm sát. Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo mong Quý Tòa cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất để bị cáo sớm trở về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Thái Bình, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Khoảng 12 giờ 15 phút, ngày 06/11/2017, tại khu vực phường K, thành phố Th, tỉnh Thái Bình, Vũ Văn T đã có hành vi tàng trữ trái phép 01 gói ma túy loại Hêrôin có trọng lượng 0,4499 gam, mục đích để sử dụng cho bản thân thì bị tổ công tác Công an thành phố Thái Bình phát hiện bắt quả tang.

Bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên, lời khai của bị cáo T phù hợp với lời khai của những người chứng kiến là anh Nguyễn Quang H1 và anh Nguyễn Mạnh T3. Lời khai của bị cáo còn được chứng minh bằng các tài liệu chứng cứ sau: Biên bản bắt người phạm tội quả tang do Công an phường Kỳ Bá, thành phố Thái Bình lập hồi 12 giờ 30 phút ngày 06/11/2017; biên bản niêm phong vật chứng lập hồi 13 giờ 30 phút; bản kết luận giám định số: 426/KLGD-PC54 ngày 06/11/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Bị cáo T là người trên 18 tuổi, có đầy đủ năng lực nhận thức và điều khiển hành vi của mình.

Như vậy, hành vi phạm tội của bị cáo T có đủ các yếu tố cấu thành tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” quy định tại Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999

Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999, tội “*Tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy*” quy định:

“1. Người nào tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy, thì bị phạt tù từ hai năm đến bảy năm.

...

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm trăm triệu đồng, tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ một năm đến năm năm.”

Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015, tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” quy định:

1. Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

...

c) Hêrôin, côcain, Methamphetamine, Amphetamine, MDMA có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 05 gam;

...

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.

Như vậy, quy định của Bộ luật Hình sự năm 2015 về hình phạt đối với tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” đã giảm so với Bộ luật Hình sự năm 1999

Căn cứ khoản 3 Điều 7 Bộ luật Hình sự năm 2015 hướng dẫn áp dụng các quy định có lợi cho người phạm tội, do vậy khi quyết định hình phạt cần áp dụng quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015 để đảm bảo nguyên tắc có lợi cho bị cáo T.

Vì vậy bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự và hình phạt theo quy định này.

[3] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

* Về tính chất mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội: Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm quy định quản lý chất gây nghiện của Nhà nước. Ma

túy là vật cấm lưu hành, không những làm sa sút về sức khỏe trí tuệ con người mà nó còn làm hủy hoại đạo đức nhân cách con người, phá vỡ hạnh phúc gia đình, là tác nhân lan truyền đại dịch HIV/AIDS, là nguồn gốc phát sinh các loại tội phạm khác gây ảnh hưởng đến trật tự trị an. Bị cáo T là người có nhân thân xấu đã bị xử phạt 24 tháng tù về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” năm 2007 nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học mà vẫn tiếp tục vi phạm pháp luật. Vì vậy phải xử phạt bị cáo một mức án nghiêm khắc tương xứng với hậu quả của hành vi phạm tội của bị cáo đã gây ra mới có tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung.

* Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào theo quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015. Tuy nhiên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ là bố bị cáo là thương binh hạng 2/4 theo Giấy chứng nhận thương binh ngày 23/9/2014 của Sở Lao động, Thương binh và xã hội tỉnh Thái Bình. Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Do vậy, bị cáo được hưởng hai tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015

* Trên cơ sở đánh giá tính chất và mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội; các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thì Hội đồng xét xử giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt để bị cáo thấy được chính sách khoan hồng của Đảng, Nhà nước và pháp luật.

[4] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo tàng trữ ma túy nhằm mục đích sử dụng cho bản thân nên không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

[5] Về xử lý vật chứng:

Cơ quan Công an thu giữ, quản lý 01 điện thoại di động Nokia E72 màu đen bạc và số tiền 600.000 đồng là tài sản của bị cáo không liên quan đến hành vi phạm tội, không ảnh hưởng đến việc xử lý vụ án, căn cứ vào Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 cần trả lại cho bị cáo T.

Cơ quan Công an thu giữ của bị cáo T 0,4499 gam ma túy loại Hêrôin hoàn lại sau giám định là 0,4163 gam, căn cứ vào Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, cần tịch thu tiêu hủy.

[6] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999, khoản 3 Điều 7, điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015;

1. Tuyên bố: Bị cáo Vũ Văn T phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”, phạt bị cáo T 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 06/11/2017.

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015

- Trả lại bị cáo 01 chiếc điện thoại Nokia E72 màu đen bạc và số tiền 600.000 đồng nhưng tiếp tục quản lý để bảo đảm thi hành án.

- Tịch thu tiêu hủy của bị cáo T 0,4499 gam ma túy loại Hêrôin còn lại sau giám định là 0,4163 gam.

(Theo biên lai thu tiền số 001193 ngày 27/12/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thái Bình; biên bản giao nhận vật chứng, tài sản giữa Công an thành phố Thái Bình và Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thái Bình ngày 27/12/2017).

3. Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo T phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 18/01/2018.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình;
- Cơ quan Cảnh sát điều tra, cơ quan Thi hành án hình sự, nhà tạm giữ Công an thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình;
- Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình;
- Sở Tư pháp tỉnh Thái Bình;
- Lưu hồ sơ vụ án; VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Việt Hưng